TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Chiếm

Ông Nguyễn Văn Bơ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1979;

Thường trú tại: Số I Đường N, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Hiện cư trú: Nhà trọ số C Đường T, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1987;

Cư trú tại: Số A ấp N, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà K và ông T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà K và ông Bùi Văn T tiến tới hôn nhân do tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38/2019 ngày 27 tháng 5 năm 2019. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu bia, ăn chơi, không chăm lo và không có trách nhiệm với vợ con, chửi bới, đánh đập thậm chí nhiều lần hăm doạ sẽ giết bà K. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nhiều lần khiến gia đình

không êm ấm, không hạnh phúc. Dù bà K và gia đình ông T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi tốt hơn, đến nay thì bà K không còn khả năng chịu đựng được nữa. Vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T, tránh cho con còn nhỏ tuổi phải thường xuyên chứng kiến tật xấu của cha.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 02/6/2019. Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà K hiện nay đang làm công nhân, thu nhập cũng ổn định đủ điều kiện để nuôi con tốt. Còn ông T không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định lại không chịu làm ăn.

Bà K xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết về vấn đề này đồng thời có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đối với bà K.

Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do ông T không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu bia, chửi mắng vợ khiến gia đình không hạnh phúc, Toà án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông T vắng mặt cũng không có văn bản gửi đến Toà án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà K. Bà K xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà K là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: bà K có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Bùi Tấn P, ông T không có ý kiến phản đối nên đề nghị chấp nhận; ghi nhận việc bà K không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà K xác định không có đồng thời không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Bùi Văn T cư ngụ xã L, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Bùi Văn T đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tại nơi cư trú nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình xét xử. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà K thấy rằng:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T tiến tới hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27 tháng 5 năm 2019. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà K và ông T tại địa phương nơi hai người sinh sống nhưng chính quyền địa phương không nắm được sự việc do các bên không có yêu cầu hòa giải. Theo bà K trình bày thể hiện: Quá trình chung sống của vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được. Nguyên nhân là do ông T không chăm lo cuộc sống gia đình, có nhiều tật xấu như thường xuyên ăn chơi, uống rượu bia, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con gia đình, còn thường xuyên đánh đập và hăm doạ giết vợ. Mặc dù đã được gia đình cùng bà K nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình tốt hơn. Vợ chồng đã không còn sự tôn trọng, yêu thương, chăm sóc nhau nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay.

[6] Ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà K yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nhưng ông T không đến Tòa án cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà K. Điều đó cho thấy ông T thừa nhận mâu thuẫn như bà K đã trình bày đồng thời ông T không còn thiết tha tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và tiếp tục xây dựng đời sống hôn nhân gia đình với bà K.

[7] Từ nhận định tại [5] và [6] cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông T.

[8] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông T có một con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2019; con chung đang do bà K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà K xác định ông T hiện nay không có nghề nghiệp thu nhập ổn định còn bà K có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có đủ khả năng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu này của bà K là phù hợp quy định pháp luật đồng thời bảo đảm điều kiện sống của con theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ông T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bà K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều: 28, 35, 39, 147, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Bùi Tấn P, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2019 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà K chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu số 0001747 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- UBND xã L, thành phố Tân An (nơi thực hiện việc ĐKKH);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Toàn Vẹn